

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày 02/3/2018

"V/v: Không công nhận là vợ chồng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phương Nga.

Bà Trần Thị Luận.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018, về việc: "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị K (tên gọi khác: Ngô Thị T), sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương - (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Quang L, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương - (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1938;

Địa chỉ: Khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 01 năm 2018 cùng bản các lời khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Ngô Thị K (tên gọi khác: Th) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Quang L tự nguyện chung sống cùng nhau từ ngày 06 tháng 10 năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống đã có con chung, chính quyền địa phương nhiều lần vận động anh, chị đi đăng ký kết hôn nhưng do bận việc nên anh, chị vẫn không đăng ký kết hôn. Anh, chị chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng tính tình không hợp nên hay cãi nhau, anh L thường đánh chị nên khoảng năm 1997 chị đã bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh sống. Năm 2010 chị về nhưng mua đất làm nhà ở riêng. Anh, chị sống ly thân từ năm 1997 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin ly hôn anh L.

Về quan hệ con chung: Anh, chị có 02 con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 21/11/1990 và Phạm Thị T1, sinh ngày 01/6/1992, hiện cả hai con đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Phạm Quang L trình bày: Thời gian và điều kiện anh, chị chung sống cùng nhau như chị K (tên gọi khác: T) trình bày là đúng. Do bận làm ăn nên nhiều lần địa phương động viên anh chị đi đăng ký kết hôn anh chị vẫn không đi đến UBND thị trấn để làm các thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng về cách sống nên thường mâu thuẫn. Mặt khác, chị K có biểu hiện không chung thủy, sau đó đến khoảng năm 2004 chị K đã bỏ nhà đi vào Miền Nam làm ăn, mình anh ở nhà nuôi con. Đến khi chị K về lại không về sống cùng anh. Nay anh xác định anh, chị ly thân đã lâu, tình cảm không còn, chị K (T) xin ly hôn, anh đồng ý.

Về quan hệ con chung: Anh, chị có 02 con chung như chị K (T) trình bày là đúng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ chị K trình bày: Anh L và chị K chung sống cùng nhau được hai bên gia đình tổ chức cưới nhưng không đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vì tính cách không hợp nên anh, chị thường xuyên cãi nhau. Anh L rượu chè, đánh đuổi chị, vì vậy chị K đã bỏ nhà đi làm ăn xa, sau đó về đã mua đất ở riêng chứ không sống chung cùng anh L. Gia đình hai bên cũng nhiều lần động viên mong anh chị sống hòa thuận nhưng không có kết quả. Nay anh L và chị K sống được với nhau hay không do anh chị ấy quyết định. Anh L và chị K có 02 con chung là

Phạm Anh T, sinh ngày 21/11/1990 và Phạm Thị T1, sinh ngày 01/6/1992, hiện cả hai con đã trưởng thành.

Anh L đề nghị khi Tòa án giải quyết, xét xử anh xin được vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn người làm chứng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng xin vắng mặt. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh L là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTT-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Không công nhận anh Phạm Quang L và chị Ngô Thị K (T) là vợ chồng. Về con chung: Xác nhận anh L và chị K có 02 con chung là: Phạm Anh T, sinh ngày 21/11/1990 và Phạm Thị T1, sinh ngày 01/6/1992, hiện cả hai con đã trưởng thành. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Nam Sách đã gửi các thông báo, các giấy triệu tập đến phiên họp, hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Phạm Quang L. Anh L đã nhận và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch". Điều 14 Luật HNGĐ quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa

vụ giữa vợ và chồng". Điều 15 Luật HNGĐ quy định: "Quyền và nghĩa vụ giữa nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con".

[3] Chị Ngô Thị K và anh Phạm Quang L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, đã sống chung như vợ chồng từ tháng 10/1989 nhưng không có đăng ký kết hôn mặc dù đã được chính quyền địa phương động viên nhưng anh chị vẫn không đi đăng ký kết hôn, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTT-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận anh Phạm Quang L chị Ngô Thị K (T) là vợ chồng.

[2] *Về quan hệ con chung*: Xác nhận anh Phạm Quang L và chị Ngô Thị K (T) có 02 con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 21/11/1990 và Phạm Thị T1, sinh ngày 01/6/1992, hiện cả hai con đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tâm thần vì vậy không đặt ra giải quyết về trách nhiệm nuôi con chung.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Nguyên, bị đơn không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về án phí*: Chị Ngô Thị K (T) xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTT-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử không công nhận anh Phạm Quang L và chị Ngô Thị K (tên gọi khác: T) là vợ chồng.

2. *Về quan hệ con chung*: Xác nhận anh Phạm Quang L và chị Ngô Thị K có 02 con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 21/11/1990 và Phạm Thị T1, sinh ngày 01/6/1992, hiện cả hai con đã trưởng thành.

3. *Về án phí*: Chị Ngô Thị K (T) phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự được đối trừ với 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai số AA/2016/000 2140 ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Chị Ngô Thị K (T) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Quang L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND thị trấn Nam Sách, H. Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Liên